

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Châu.
2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Văn D - Sinh năm 1977 - Hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện L, tỉnh Long An - Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam Thanh Hòa, Đội 11, khu I, phân trại số 1 - Địa chỉ: ấp G, xã U, huyện I, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Cao Văn D xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà và ông D ly

thân từ năm 2008 cho đến nay. Năm 2013, ông D phạm tội “Giết người” và bị xử phạt 20 năm tù, hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Hòa. Từ khi ông D đi chấp hành án, bà không đến thăm nuôi.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn D.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Cao Thị Ngọc K, sinh ngày 01/12/2004, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2019 bị đơn ông Cao Văn D trình bày và yêu cầu: Ông thống một phần trình bày của bà H về ngày tháng và điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Thời gian mâu thuẫn từ năm 2006, nguyên nhân do ông đi làm xa, ít về nhà nên không có thời gian chăm sóc vợ con.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất giữa ông và bà H có một con chung tên Cao Thị Ngọc K, sinh ngày 01/12/2004, hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với ông D, chấp nhận bà H trực tiếp nuôi con chung, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên đơn bà H, bị đơn ông D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Cao Văn D, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Cao Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ

vụ án xét đơn khởi kiện của bà H theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn D chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông D, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H và ông D đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét trong quá trình chung sống ông D không lo làm ăn mà có hành vi vi phạm pháp luật nên bị xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án và trước khi đi thi hành án ông và bà H đã sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H và ông D thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Cao Thị Ngọc K, sinh ngày 01/12/2004, hiện đang sống với bà H. Xét từ khi bà H và ông D sống ly thân, con chung do bà H nuôi dưỡng, ông D hiện tại đang chấp hành án, con chung có nguyện vọng sống với bà H nên giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Xét việc bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà H và ông D trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà H đã nộp đủ án phí.

[10] Ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Cao Văn D.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Cao Thị Ngọc K, sinh ngày 01/12/2004, hiện đang sống với bà H. Ông Cao Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông D có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004608 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái